

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 28 - 5 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đỗ Xuân Trường

Nghề nghiệp: Công chức văn hóa xã

+ Ông Tạ Văn Nhật

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Tuân – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Đan Phượng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị M - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXX - ST ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Quách Thị Thanh M, sinh năm 1992;

Nơi ĐKKH: Cụm 11, xã Tân L, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội

Chỗ ở: Số 3, Liên Kề 6, khu đô thị Tân Tây Đ, xã Tân L, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1991;

Nơi ĐKKH: Cụm 11, xã Tân L, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội

Chỗ ở: Số 6, ngõ 72, đường Đan Hội, cụm 10, xã Tân L, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Quách Thị Thanh M trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu Đ đăng ký kết hôn ngày 05/12/2016 tại UBND xã Tân L, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh Đ ở cụm 10, xã Tân Lập đến năm 2019, vợ chồng chuyển ra ở riêng tại nhà

của bố mẹ đẻ chị ở Khu Tân Tây Đ, xã Tân L. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh Đ chơi bời, không tu trí làm ăn, nợ nần và chị đã nhiều lần phải trả nợ thay. Chị và hai bên gia đình nhiều lần khuyên can, góp ý nhưng anh Đ không nghe. Anh Đ đã tự chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh Đ sống. Vợ chồng chị chính thức sống ly thân từ ngày 11/02/2024 đến nay. Trong thời gian này, chị và anh Đ đã nhiều lần nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục Đ hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hữu Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Xuân Ph, sinh ngày 13/4/2018 và cháu Nguyễn Hữu Minh Kh, sinh ngày 18/8/2022. Hiện nay, cháu Ph và cháu Kh đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi hai con vì: Các cháu còn nhỏ, từ khi hai cháu sinh ra đến nay đều do chị chăm sóc và đang sống cùng chị, các con chị đi lớp cách nhà khoảng 300m đến 400m. Chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi tháng 3.600.000 đồng/ hai cháu.

Hiện nay chị và các con vẫn đang sinh sống tại nhà số 3, liên kè 6, khu đô thị Tân Tây Đ. Nhà đất là của bố mẹ chị cho vợ chồng chị ở nhờ từ năm 2019 đến nay. Chị làm nghề Spa tại nhà, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/ tháng. Mặt khác, gia đình chị thường xuyên hỗ trợ cùng chị chăm sóc các con.

- Về tài sản chung, nợ: Không có.

- Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không có

* Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị M đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng được gia đình cho ra ở riêng ở khu đô thị Tân Tây Đ trên nhà đất của bố mẹ chị M. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân có một phần lỗi của bản thân anh dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Mặc dù, vợ chồng nói chuyện cũng như hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Anh và chị M sống ly thân từ ngày 11/02/2024 đến nay. Chị M xin ly hôn anh thì anh đồng ý, vì: Vợ chồng anh không thể đoàn tụ, không có tiếng nói chung. Anh không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Về con chung: Anh và chị Quách Thị Thanh M có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu Xuân Ph, sinh ngày 13/4/2018 và cháu Nguyễn Hữu Minh Kh, sinh ngày 18/8/2022. Hiện nay cháu Ph và cháu Kh đang ở cùng với chị M. Ly hôn chị M xin được nuôi 02 con thì anh đồng ý. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con với chị M mỗi tháng 3.600.000 đồng /tháng.

- Về tài sản chung, nợ: Không có

- Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không có

Tại phiên toà: Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn anh Đ. Chị xin nuôi cháu Ph và cháu Kh. Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 2 con với chị; nay chị thấy trách nhiệm nuôi con là của hai vợ chồng nên chị đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Phúc 3.600.000 đồng/tháng. Chị giữ nguyên quan điểm về phần tài sản chung, nợ

cũng như công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng. Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kê từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Quách Thị Thanh M và chị Nguyễn Hữu Đ đã trầm trọng, mục Đ hôn nhân không đạt được nên chị M xin ly hôn anh Đ đồng ý. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình xử: Cho chị M được ly hôn anh Đ. Chị M, anh Đ xác định có 02 con chung là: Nguyễn Hữu Xuân Ph, sinh ngày 13/4/2018 và cháu Nguyễn Hữu Minh Kh, sinh ngày 18/8/2022. Giao cháu Ph, Kh cho chị M nuôi dưỡng đến khi cháu Ph, cháu Kh đến 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh Đ đóng góp nuôi cháu Phúc 3.600.000 đồng/tháng. Chị M và anh Đ đều xác định không có tài sản chung, nợ cũng như công sức đóng góp với khối tài sản chung của gia đình vợ và gia đình chồng nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ghi nhận sự tự nguyện của chị M chịu án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Quách Thị Thanh M khởi kiện anh Nguyễn Hữu Đ có địa chỉ: Cụm 10, xã Tân L, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ xin vắng mặt; chị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị M xin được ly hôn với anh Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M, anh Đ đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị M và anh Đ chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Vợ chồng đều xác định không có tiếng nói chung; có một phần lỗi của anh Đ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị M, anh Đ đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục Đ hôn nhân không đạt được, chị M xin ly hôn anh Đ đồng ý. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị Quách Thị Thanh M

được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của chị M xin được nuôi cháu Nguyễn Hữu Xuân Phúc và cháu Nguyễn Hữu Minh Khang.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M, anh Đ xác định có hai con chung là: Cháu Nguyễn Hữu Xuân Ph, sinh ngày 13/4/2018 và cháu Nguyễn Hữu Minh Kh, sinh ngày 18/8/2022. Chị M nguyện vọng được nuôi cháu Phúc, Khang thì anh Đ đồng ý. Xét thấy, hai cháu Ph, Kh từ khi sinh ra đến nay đều ở cùng anh Đ, chị M; kể từ khi anh Đ chuyển đi thì chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu; các cháu đi lớp đều gần nhà. Để đảm bảo quyền lợi của con cần giao cháu Ph, Kh cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị M yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Ph mỗi tháng 3.600.000 đồng. Anh Đ đồng ý. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp và khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị M và anh Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Quách Thị Thanh M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị M tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị Thanh M. Cho chị Quách Thị Thanh M được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

2. Về con chung: Chị Quách Thị Thanh M, anh Nguyễn Hữu Đ xác định có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Hữu Xuân Ph, sinh ngày 13/4/2018 và cháu Nguyễn Hữu Minh Kh, sinh ngày 18/8/2022. Giao cháu Nguyễn Hữu Xuân Ph, Nguyễn Hữu Minh Kh cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Ph, cháu Kh đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu Phúc mỗi tháng 3.600.000 đồng kể từ tháng 6/2024.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không có

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Quách Thị Thanh M nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) án phí (trong đó: Phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số

0010169 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; chị M còn tiếp tục phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Quách Thị Thanh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Tân Lập, huyện Đan Phượng
(Giấy CNKH số 94 ngày 05/12/2016);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu